TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Văn My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1971 (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Lê Lục B, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp S, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Công Đ trình bày: Anh và chị Lê Lục B kết hôn vào năm 2001 và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11 tháng 12 năm 2002. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cãi, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh và chị Lê Lục B đã không còn sống chung từ năm 2009 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Lục B. Về con chung, có một người tên là Nguyễn Phương S (giới tính nữ), sinh ngày 13 tháng 5 năm 2009, hiện do anh nuôi dưỡng, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Lê Lục B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 6 năm 2018, bị đơn chị Lê Lục B trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra đúng như anh Nguyễn Công Đ đã khai. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Công Đ. Về con chung có một người đúng như anh Nguyễn Công Đ đã trình bày, chị chấp nhận giao con chung cho anh Nguyễn Công Đ tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc anh Nguyễn Công Đ xin ly hôn chị Lê Lục B là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị Lê Lục B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Lê Lục B là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, anh Nguyễn Công Đ và chị Lê Lục B kết hôn vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Tân vào ngày ngày 11 tháng 12 năm 2002, nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Công Đ và chị Lê Lục B được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh Nguyễn Công Đ và chị Lê Lục B đều thừa nhận quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cãi, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Nguyễn Công Đ yêu cầu ly hôn và được chị Lê Lục B đồng ý. Từ đó, chấp nhận cho anh Nguyễn Công Đ ly hôn với chị Lê Lục B là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung có một người tên là Nguyễn Phương S, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2009, hiện đang do anh Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công Đ và chị Lê Lục B thống nhất thỏa thuận giao con chung cho anh Nguyễn Công Đ tiếp tục nuôi và chị Lê Lục B không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Nguyễn Công Đ và chị Lê Lục B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Nguyễn Công Đ và chị Lê Lục B là có căn cứ.

[4] Anh Nguyễn Công Đ và chị Lê Lục Bxác định tài sản chung và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Công Đ chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Công Đ ly hôn với chị Lê Lục B.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Anh Nguyễn Công Đ chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Nguyễn Phương S (giới tính nữ), sinh ngày 13 tháng 5 năm 2009. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Công Đ không yêu cầu chị Lê Lục B cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Lục B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Công Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007124, ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Nguyễn Công Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Công Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Lục B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương